

Số: 571/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 29 tháng 9 năm 2016

## BÁO CÁO

### Tình hình phát triển nông nghiệp nông thôn 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch 3 tháng cuối năm 2016

Sản xuất nông nghiệp quý III có một số thuận lợi cơ bản như: Độ mặn giảm và lùi về phía biển, không còn ảnh hưởng đến sản xuất; các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi không phát sinh, công tác tư vấn, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường, các mô hình sản xuất có hiệu quả tiếp tục được nhân rộng; các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn được quan tâm thực hiện, đặc biệt là chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như: Mưa liên tục, độ ẩm cao, sâu bệnh trên cây lúa phát sinh nhiều, đặc biệt bệnh đạo ôn phải công bố dịch; diện tích cây màu giảm, năng suất lúa hè thu đạt thấp so cùng kỳ; việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, cùng với những thuận lợi, khó khăn của 6 tháng đầu năm nhưng với sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền các cấp, sự quyết tâm vượt khó của nông dân, sự hỗ trợ của các ngành nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì nhưng đạt ở mức khiêm tốn và thấp hơn cùng kỳ, cụ thể:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Về giá trị sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất toàn ngành 9 tháng (giá năm 2010) 18.785,4 tỷ đồng, đạt 71,9% kế hoạch, giảm 7,38% so cùng kỳ. Trong đó:

- Nông nghiệp: 13.386,3 tỷ đồng, đạt 73,21% kế hoạch, giảm 8,9%
- Lâm nghiệp: 190,63 tỷ đồng, đạt 73,3% kế hoạch, giảm 1,4%
- Thủy, hải sản: 5.280,5 tỷ đồng, đạt 68,7% kế hoạch, giảm 3,3%

##### 2. Về sản xuất:

###### a) Về trồng trọt:

Ước tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 278.531 ha, đạt 96,27% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.659 ha, cụ thể:

###### - Cây lúa:

+ Gieo trồng 234.248 ha, vượt 2.248 ha so kế hoạch, giảm 3.074 ha so cùng kỳ; thu hoạch dứt điểm 02 vụ Thu Đông – mùa và Đông Xuân (137.350 ha), năng suất trung bình 5,39 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,6 tấn/ha; sản lượng 739.762 tấn, giảm 206.074 tấn so cùng kỳ. Nguyên nhân, do mặn xâm nhập làm mất trắng 18.749 ha, giảm năng suất 9.200 ha. Vụ Hè thu thu hoạch 42.771 ha, năng suất trung bình 5,06 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,27 tấn/ha. Vụ Thu Đông - mùa 2016-

2017 xuống giống 15.167 ha, đạt 27,5% kế hoạch (55.000 ha), chậm hơn cùng kỳ 32.950 ha.

*Nhìn chung, tình hình sản xuất lúa 9 tháng đầu năm đối mặt với nhiều khó khăn như mặn xuất hiện sớm và xâm nhập vào nội đồng làm thiệt hại 29.833 ha lúa Thu Đông - mùa và Đông Xuân của 42.240 hộ, trong đó mức độ thiệt hại trên 70% là 19.559 ha, ước tổng sản lượng lúa mất khoảng 161.000 tấn. Vụ Hè thu bệnh đạo ôn phát sinh nhiều và phải công bố dịch. Theo số liệu điều tra, giá thành sản xuất vụ Thu Đông - mùa là 3.994 đồng/kg (cao hơn cùng kỳ 161 đồng/kg), vụ Đông Xuân là 4.958 đồng/kg (cao hơn cùng kỳ từ 1.421 đồng/kg). Với giá bán dao động từ 4.600 - 5.800 đồng/kg (lúa khô) thì nông dân lãi dưới 30% so với giá thành.*

+ Thực hiện theo dõi 12 bẫy đèn, 900 điểm điều tra dự báo làm cơ sở dự tính, dự báo sâu bệnh; xây dựng khung lịch thời vụ xuống giống “né rầy” phù hợp cho từng vùng, từng địa phương. Tổ chức 184 cuộc tập huấn, hướng dẫn nông dân phòng, trừ các loại sâu bệnh gây hại trên cây trồng, hướng dẫn biện pháp khắc phục tình trạng lúa bị ảnh hưởng khô hạn, phèn, mặn cho 7.250 lượt nông dân; phóng thích 800 mummy ra môi trường tự nhiên tại 40 điểm để khống chế bọ cánh cứng hại dừa; tổ chức, vận động nông dân và đoàn thể thu gom 453 kg bao bì, vỏ chai thuốc BVTV đem tiêu hủy. Sử dụng 410 kg thuốc Biorat diệt chuột tại các khu vực dân cư, bờ đê trên địa bàn xã Nhị Trường, Trường Thọ, hiệu quả phòng trị đạt 80-90%.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 44.283 ha, đạt 77,24% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.585 ha, cụ thể: Màu lương thực 5.812 ha, màu thực phẩm 24.471 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.000 ha. Thực hiện 03 mô hình cánh đồng lớn trên cây mía, diện tích 65,5 ha, đã thu hoạch 44,65 ha, năng suất trung bình 110 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 3 tấn/ha.

*Diện tích trồng màu giảm, tuy nhiên năng suất một số cây trồng đạt cao hơn cùng kỳ như bắp, khoai lang, rau các loại. Tổng sản lượng các loại cây màu đạt trên 01 triệu tấn, đạt trên 75% kế hoạch cả năm. Đồng thời, duy trì được 03 mô hình cánh đồng lớn trên cây mía với năng suất khá.*

- Cây lâu năm:

+ Ước diện tích trồng mới trong quý là 114 ha, nâng tổng diện tích vườn cây ăn trái 17.773 ha, sản lượng thu hoạch 184.193 tấn, đạt 75% kế hoạch. Cây dừa diện tích 19.980 ha, sản lượng 172.382 tấn, đạt 72,4% kế hoạch.

+ Theo dõi 03 mô hình phòng trừ chồi rồng hại nhãn tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, diện tích 07 ha. Thực hiện mô hình quản lý sâu, bệnh tổng hợp trên cây dừa, diện tích 0,4 ha, sử dụng nấm xanh để phòng trừ bọ cánh cứng, bọ vòi voi. Kết quả bước đầu đã khắc phục được khoảng 15% bệnh rụng trái non và bọ vòi voi. Tổ chức thực hiện 02 điểm thử nghiệm khắc phục ảnh hưởng phèn mặn trên cây chôm chôm tại xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, diện tích 500 m<sup>2</sup>.

*Điều kiện thời tiết khó khăn, mặn xâm nhập làm cây trồng chậm phát triển, giảm năng suất, nhưng được tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật của cán bộ kỹ thuật và quyết tâm chăm sóc, bảo vệ vườn cây ăn trái của nhà vườn nên sản lượng đạt khá.*

b) Về chăn nuôi:

- Theo số liệu tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn, thủy sản ngày 01/7/2016, số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh như sau:

+ Đàn heo: 392.487 con, vượt 18,9% KH, tăng 76.630 con so cùng kỳ.

+ Đàn bò: 205.381 con, vượt 23%, tăng 45.392 con.

+ Đàn trâu: 807 con, đạt 80,7%, giảm 295 con.

+ Đàn gia cầm: 4,2 triệu con, đạt 72,7%, giảm 342 ngàn con.

*Nhìn chung, tình hình chăn nuôi có bước phát triển và tăng so cùng kỳ, nhất là đàn heo; đàn bò tăng nhiều do tổng điều tra nông nghiệp nông thôn điều tra toàn diện và đầy đủ hơn. Tuy nhiên, đàn gia cầm giảm do điều kiện chăn thả bị thu hẹp, thức ăn tự nhiên ngày càng giảm, hộ chăn nuôi phải đầu tư thức ăn công nghiệp, chi phí cao nên không mạnh dạn tái đàn.*

- Thực hiện tiêm vaccine phòng cúm cho 831 ngàn con gia cầm; tiêm phòng LMLM 12 ngàn con gia súc; tiêm phòng dại chó, mèo 374 con; tiêm phòng bệnh thường xuyên 333 ngàn con gia súc; kiểm dịch 26 ngàn con gia súc, trên 125 ngàn con gia cầm, 90 tấn thịt, 1,9 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay, tiêm vaccine phòng cúm 2,4 triệu con gia cầm (đạt 74,3% so tổng đàn thuộc diện tiêm); tiêm phòng LMLM 37 ngàn con gia súc (đạt 45,2% so tổng đàn thuộc diện tiêm); tiêm phòng dại chó, mèo 1.712 con; tiêm phòng bệnh thường xuyên cho 856 ngàn con gia súc (Dịch tả 294 ngàn con; Tụ huyết trùng 279 ngàn con và Phó thương hàn 282 ngàn con); sử dụng 8.519 lít thuốc tiêu độc khử trùng trên 14 triệu m<sup>2</sup> chuồng trại của 265 ngàn lượt hộ chăn nuôi; kiểm dịch gần 213 ngàn con gia súc, trên 2 triệu con gia cầm, 868 tấn thịt, 23 triệu quả trứng.

- Trong quý, 01 cơ sở giết mổ tập trung tại thị xã Duyên Hải đi vào hoạt động. Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 13 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoạt động ổn định, gồm (10 cơ sở giết mổ gia súc và 03 cơ sở giết mổ gia cầm) tổng công suất thiết kế 2.800 con gia súc/ngày đêm và 4.650 con gia cầm/ngày đêm. Công suất thực tế giết mổ 1.300 con gia súc/ngày đêm và 3.200 con gia cầm/ngày đêm. Ngành nông nghiệp tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang.

- Phát triển thêm 02 trang trại chăn nuôi, nâng tổng số trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh lên 42 trang trại, chủ yếu là trang trại chăn nuôi heo.

- Kết hợp địa phương triển khai bình tuyển, phân loại, đánh giá và bám tai theo dõi đàn heo đực giống 21 cơ sở với 157 con tại các huyện, thành phố.

- Triển khai thực hiện phong trào ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi có 4.109 cơ sở, hộ chăn nuôi ký cam kết gồm: 33 cơ sở giết mổ, 195 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, 3.875 hộ chăn nuôi, 3 cơ sở ấp trứng, 3 cơ sở quảng cáo thức ăn chăn nuôi tổ chức Hội thảo và 99 viên chức thú y tại các huyện, thị xã, thành phố.

c) Về thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 5.584 ha, thu hoạch 38.982 tấn. Nâng đến nay diện tích thả nuôi 40.715 ha, đạt 95,3% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ

278 ha; thu hoạch 71.374 tấn, đạt 70,5% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 6.962 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 0,45 tỷ con tôm sú giống, trên diện tích 2.275 ha; 1,3 tỷ con tôm chân trắng, diện tích 3.128 ha; 101 triệu con cua biển, diện tích 202 ha và thu hoạch 24.610 tấn (tôm sú 7.035 tấn, tôm chân trắng 11.948 tấn, cua biển 4.407 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác). Nâng đến nay thả nuôi 1,77 tỷ con tôm sú giống, trên diện tích 18.403 ha; 2,59 tỷ con tôm chân trắng, diện tích 5.410 ha; 198 triệu con cua biển, diện tích 13.997 ha; 89 tấn nghêu giống, diện tích 295 ha và thu hoạch 34.476 tấn, đạt 75,4% kế hoạch cả năm (cao hơn cùng kỳ 3.327 tấn), trong đó tôm sú 9.346 tấn, tôm chân trắng 17.585 tấn, cua biển 5.965 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi và gây bệnh hoại tử gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột làm thiệt hại 395 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,2% lượng con giống thả nuôi), diện tích 5.481 ha (chiếm 29,7%); 535 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 20,6% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.122 ha (chiếm 20,7%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 120 triệu con giống các loại, diện tích 1.371 ha; thu hoạch 14.373 tấn (cá lóc 6.888 tấn, cá tra 3.864 tấn, tôm càng xanh 50 tấn, còn lại là các loại khác). Nâng đến nay thả nuôi 230 triệu con giống các loại, diện tích 2.605 ha; thu hoạch 36.898 tấn, đạt 66,5% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 3.636 tấn (cá lóc 21.078 tấn, cá tra 5.904 tấn, tôm càng xanh 350 tấn, còn lại là các loại khác).

*Tóm lại, lĩnh vực nuôi thủy sản ngay từ đầu năm ngành đã chủ động xây dựng lịch thời vụ, phân công cán bộ theo dõi địa bàn, hướng dẫn tập huấn, tư vấn kỹ thuật cho người nuôi nên tình hình hình nuôi tôm nhìn chung phát triển tốt, dịch bệnh có xảy ra nhưng với tỷ lệ thấp.*

- Khai thác: Có 05 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 7.035 CV; sản lượng khai thác 16.927 tấn (3.445 tấn tôm). Nâng đến nay toàn tỉnh có 1.208 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 99.819 CV (1.036 tàu đang hoạt động, công suất 79.517 CV); sản lượng khai thác 50.630 tấn (8.645 tấn tôm), đạt 63,4% kế hoạch cả năm, giảm 9,3% so cùng kỳ, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 2.657 tấn (1.141 tấn tôm). Nâng đến nay 6.860 tấn (2.583 tấn tôm), đạt 49,3% kế hoạch, giảm 15,8% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 14.270 tấn (2.304 tấn tôm). Nâng đến nay 43.770 tấn (6.062 tấn tôm), đạt 66,4% kế hoạch, giảm 8,1% so cùng kỳ.

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 5.480 tấn (tôm sú 395 tấn, tôm thẻ 2.166 tấn), chế biến 2.963 tấn, tiêu thụ 2.393 tấn, kim ngạch xuất khẩu gần 15,4 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 9.470 tấn (tôm sú 749 tấn, tôm thẻ 3.780 tấn), chế biến 5.246 tấn, tiêu thụ 4.063 tấn, kim ngạch xuất khẩu 25,9 triệu USD.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh để chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Kiểm dịch 358 triệu con tôm sú giống, 1,2 tỷ con tôm thẻ chân trắng, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy

sản; kiểm tra vệ sinh thú y 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 56 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản, 117 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản; thực hiện 83 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 55 mẫu bệnh phẩm, 105 mẫu giáp xác, 84 mẫu nước phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

d) Về lâm nghiệp:

- Trồng 213 ha rừng phòng hộ, đạt 91% kế hoạch (Công ty Mùa Vàng trồng 90 ha); chăm sóc 338 ha; trồng 50.000 cây lâm nghiệp phân tán, đạt 100% kế hoạch; tía thưa điều chỉnh mật độ khu rừng được giống 51 ha, đạt 100% kế hoạch; thực hiện công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017. Hoàn thành kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh. Nghiệm thu phúc tra vệ sinh phòng cháy rừng năm 2016 với tổng diện tích 247,6 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Trong quý, tổ chức 247 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 05 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 1.234 m<sup>2</sup> rừng. Lũy kế đến nay tổ chức 729 lượt, phát hiện 15 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 3.147 m<sup>2</sup> rừng phòng hộ, đã tiến hành xử lý theo quy định, ngoài ra, còn có 2.798 ha rừng phi lao bị thiệt hại do triều cường, đã xây dựng phương án khắc phục.

- Tổ chức 19 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng cho 610 hộ dân sống tiếp giáp với rừng.

- Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, dự kiến năm 2017 Trà Vinh thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

## **2. Các hoạt động chuyên ngành**

a) Công tác quy hoạch:

- Đã hoàn thành và tổ chức công bố quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tổ chức thông qua Hội đồng thẩm định 03 dự án quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dự thảo 03 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 dự án quy hoạch trên.

- Chọn đơn vị tư vấn lập dự án: “Dự án Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh”.

- Lập hồ sơ mời thầu xây dựng dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xin ý kiến góp ý đề cương nhiệm vụ dự toán dự án rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp dự toán Rà Soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

b) Tham mưu xây dựng và ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Tỉnh ủy 02 Nghị quyết: Lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 29/02/2016 về việc tăng cường công tác quản lý giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định: Số 14/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 ban hành quy định về quản lý và bảo vệ đê điều; số 15/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 ban hành quy định về việc phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Số 1386/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 về việc chỉ định công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; cung cấp vật tư chăn nuôi và cung cấp liệu tinh; đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc; cung cấp bình Nitơ lỏng; xử lý chất thải chăn nuôi. Số 1540/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 về việc phê duyệt mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ. Số 1392/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 về việc công bố hết thiên tai xâm nhập mặn năm 2016. Số 1663/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về việc công bố hết dịch bệnh đạo ôn hại lúa Hè thu trên địa bàn huyện Càng Long và Cầu Kè.

- Xây dựng và lấy ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020.

- Xây dựng và lấy ý kiến đóng góp dự thảo Quyết định của UBND tỉnh thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 và Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2016.

- Xây dựng Hướng dẫn liên ngành Nông nghiệp - Tài chính về hướng dẫn thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo qui định tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính.

c) Kết quả thực hiện các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ thiệt hại theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phối hợp tham mưu trình UBND tỉnh hỗ trợ 53 tỷ đồng cho nông dân các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, Duyên Hải và thành phố Trà Vinh có diện tích lúa, hoa màu, cây ăn trái và thủy sản bị thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn. Đến nay, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện chi hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/5/2012 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Năm 2016 được Trung ương cấp hỗ trợ 74 tỷ đồng đã phân bổ về các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đầu tư cho công tác quy hoạch, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa, hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm phục vụ sản xuất lúa.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Các tổ chức tín dụng đã cho 121 khách hàng là hộ gia đình vay với tổng dư nợ 40 tỷ đồng. Lũy kế đến nay có 246 khách hàng vay với tổng dư nợ

trên 90 tỷ đồng để mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và chế biến nông sản.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Ngành đã hỗ trợ Công ty Lương thực Trà Vinh hoàn thành phương án cánh đồng lớn về sản phẩm cây lúa trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, hướng dẫn Công ty mía đường Trà Vinh xin chủ trương xây dựng cánh đồng lớn sản phẩm mía đường; hỗ trợ HTX nông nghiệp Thành Công xã Ngọc Biên xây dựng phương án thực hiện cánh đồng lớn về rau màu.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đã tạm ứng 25,2 tỷ đồng do Trung ương hỗ trợ để các huyện triển khai thực hiện. Đến nay có 6 huyện, thành phố (Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Trà Cú và thành phố Trà Vinh) hỗ trợ xây dựng được 1.060 công trình khí sinh học, đưa 10 người học lớp gieo tinh nhân tạo cho bò, mua 12 con bò đực giống, gieo tinh bò 52 con.

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg: Kết hợp tổ chức hội nghị triển khai đến các Sở, ngành tỉnh, địa phương, nông dân trên địa bàn tỉnh. Hiện đang phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang chuẩn bị thẩm định 01 hồ sơ đăng ký áp dụng VietGAP (nuôi tôm sú và thỏ chân trắng).

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Phê duyệt 11 hồ sơ đóng mới tàu cá (02 tàu đã đi vào hoạt động), tổng số tiền được duyệt là 50 tỷ đồng. Quyết định hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hoá dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ cho 01 tàu, số tiền 80 triệu đồng. Thực hiện chi trả phí bảo hiểm 09 đợt, với tổng số tiền 517 triệu đồng; hướng dẫn thủ tục đề nghị hỗ trợ 05 tổ hợp tác sản xuất trên biển. Đến nay hỗ trợ ngư dân thành lập 53 tổ hợp tác sản xuất trên biển (18 tổ hoạt động vùng bờ và vùng lộng; 35 tổ hoạt động vùng khơi).

d) Chuyển giao khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Tổ chức 02 lớp chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá lóc và sinh sản lươn đồng bán nhân tạo.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và ương nghêu giống trên ao đất lót bạt giai đoạn 2” và “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi thích nghi giống gà Đông tảo tại tỉnh Trà Vinh”.

- Thực hiện khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 04 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng, bộ chủ lực và bộ Trà Vinh), diện tích 01 ha, kết quả chọn được 11 giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh để khuyến cáo nhân rộng. Khảo nghiệm 0,7 ha bưởi da xanh xen dứa, hiện đang phát triển tốt.

- Triển khai thực hiện 04 lớp tập huấn biện pháp kỹ thuật chọn và thuần dưỡng giống các đối tượng tôm sú, cua biển, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh cho 126 người tham dự.

- Tổ chức 346 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cho 10.079 lượt người (129 lớp trồng trọt 3.881 lượt người; 69 lớp chăn nuôi 2.024 lượt người; 148 lớp thủy sản 4.174 lượt người), phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp tư vấn cho 4.724 lượt hộ. Cấp phát 150 sổ tay khuyến nông khuyến ngư, 100 quyển tài liệu kỹ thuật, cấp phát 01 ngàn tờ tin khuyến nông, 37 ngàn tờ tài liệu bướm các loại.

- Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ thực hiện 09 bản tin thời sự, 04 phóng sự, 01 cuộc tọa đàm và 01 chuyên đề về tổng kết công tác khuyến nông khuyến ngư năm 2015, hội thảo giới thiệu các dòng sản phẩm máy nông nghiệp và hướng dẫn thực hiện quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, diễn đàn liên kết 4 nhà, các kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, phòng trị bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Thực hiện 10 mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, mô hình sản xuất lúa lai thương phẩm, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi cá kèo luân canh trong ao nuôi tôm, nuôi tôm càng xanh toàn đực, trồng bắp chuyển đổi gen, sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn chế biến trong sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực, sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn cá biển trong ương cá lóc từ bột lên giống, nuôi vố và sinh sản giống cua xanh có nguồn gốc địa phương, nuôi vố và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Kết hợp tổ chức sản xuất 130,8 ha lúa giống (18,3 ha giống cấp nguyên chủng), đã thu hoạch 63,6 ha, sản lượng đạt trên 354 tấn giống (200 tấn giống cấp nguyên chủng). Chăm sóc vườn cây giống đầu dòng, ươm cây giống phục vụ nông dân có nhu cầu. Thu mua 160 tấn lúa giống (34 tấn giống cấp nguyên chủng); cung ứng 116,5 tấn lúa giống (8,8 tấn nguyên chủng) và 7.255 cây giống ăn trái các loại.

+ Giống thủy sản: Sản xuất, cung ứng, giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 11,6 triệu con post tôm sú, 11 triệu con tôm thẻ chân trắng, 4,9 triệu con tôm càng xanh, 1,5 triệu con cua biển, 1,7 tấn con cái giống các loại.

e) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương thực hiện 59 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 44.577 m, khối lượng đất đào đắp 132.585 m<sup>3</sup>. Lũy kế đến nay thực hiện 868 công trình, chiều dài 676.097 m, khối lượng 1,91 triệu m<sup>3</sup>, vượt 25,6% kế hoạch.

- Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 04 công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng Thủy sản xã Long Vĩnh – Long Hữu, huyện Duyên Hải; bờ bao An Hòa – Hòa An xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè; nâng cấp đê bao cồn Bàn Chát xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè; gia cố sạt lở mái bờ phải thượng lưu cống Trà Cú; duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Chà Và, đê Tổng Long – Bắc Trang, Tổng Long – Nguyễn Văn Pho chiều dài 6.400 m; đưa vào sử dụng 06 cầu giao thông thôn thôn trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên.



- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Sở, Ban ngành tỉnh, địa phương và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê biển trong các đợt triều cường dâng cao để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời. Tổ chức 47 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Lũy kế đến nay tổ chức 131 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 29 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

f) Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 23 dự án (01 dự án khởi công mới, 22 dự án chuyển tiếp), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, giải ngân 133 tỷ đồng đạt 45% kế hoạch (bổ sung vốn). Đồng thời, triển khai thi công đạt khối lượng trên 60% các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và công trình khắc phục hậu quả hạn hán do xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016.

g) Công tác phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 4.928 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 291.255 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền là vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 13 phóng sự về tấm gương tiêu biểu, các mô hình hay có hiệu quả và hiệu quả trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Quyết định công nhận 118.139 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 52,9% tổng số hộ phát động; 168 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 24,63% trong tổng số ấp.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 21 xã đạt 19 tiêu chí (20 xã có quyết định công nhận); 09 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 55 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 11,13 tiêu chí.

+ Tổng nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình: 139,160 tỷ đồng, trong đó: Vốn trái phiếu Chính phủ 75,560 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 30 tỷ đồng, vốn đầu tư phát triển 19,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 14,5 tỷ đồng. Các địa phương đang tổ chức triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, chưa có kết quả giải ngân.

- Bố trí dân cư:

+ Dự án di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: Lập báo cáo quyết toán khối lượng hoàn thành trình Sở Tài chính thẩm tra và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 03/6/2016.

+ Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông: Giải ngân 4.500 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng kè bờ phải chiều dài 659 m; xin điều chuyển nguồn vốn còn lại 1.000 triệu đồng thuộc dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa sang dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông; thẩm định, phê duyệt thiết kế bổ sung hệ thống chiếu sáng hạng mục

kè bờ trái chiều dài 516 m; nghiệm thu thanh toán hạng mục kè bờ trái, đạt 72% khối lượng.

+ Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng, xã Long Hòa: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp; phê duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu; làm việc với đơn vị tư vấn điều chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.

+ Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long (giai đoạn 2): Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và lập kế hoạch kinh phí năm 2017.

+ Dự án Di dân sạt lở xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải (chuẩn bị đầu tư): Phối hợp địa phương rà soát xác định nhu cầu di dời, bố trí ổn định dân cư của các hộ dân đang sinh sống trong phạm vi rừng phòng hộ có nguy cơ sạt lở và ảnh hưởng của triều cường dâng cao.

- Tổ chức lại sản xuất:

+ Hợp tác xã (HTX): Trong 9 tháng đầu năm, thành lập mới 02 HTX, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 41 HTX, tổng diện tích đất tham gia hợp tác là 1.532 ha, với 2.284 thành viên; tổng vốn điều lệ 30 tỷ đồng, doanh thu bình quân của các HTX là 1,1 tỷ đồng. Trình UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020”; hoàn chỉnh kế hoạch xây dựng HTX nông nghiệp Dân Tiên, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè trở thành HTX nông nghiệp kiểu mới; hỗ trợ HTX Thanh long ruột đỏ Đức Mỹ đăng ký đề tài khoa học cấp tỉnh năm 2016.

+ Tổ hợp tác (THT): Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.967 THT nông nghiệp (trong đó có 34 THT chăn nuôi của dự án Heifer), với 33.665 thành viên tham gia. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ THT chăn nuôi gà tại ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long trở thành mô hình điểm THT liên kết với doanh nghiệp.

+ Tiếp tục duy trì 17 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 3.772 ha, với 4.141 hộ tham gia, năng suất trung bình 5,98 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 0,6 tấn/ha. Công ty Lương thực Trà Vinh liên kết tiêu thụ 1.433 tấn lúa hàng hóa trong các mô hình.

+ Kinh tế trang trại: Theo số liệu điều tra của Cục Thống kê tỉnh, toàn tỉnh có 105 trang trại, gồm 42 trang trại chăn nuôi, 54 trang trại thủy sản, 08 trang trại trồng trọt, 01 trang trại tổng hợp, với 511 lao động thường xuyên, tạo ra giá trị sản phẩm hàng hóa trên 275 tỷ đồng.

- Phát triển ngành nghề nông thôn:

+ Ngành nghề nông thôn: Toàn tỉnh có 14.045 cơ sở, với 39.854 lao động tham gia. Tạo ra giá trị khoảng 1.798 tỷ đồng.

+ Làng nghề: 9 tháng đầu năm không có làng nghề mới được công nhận. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 12 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó có 02 làng nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp và 10 làng nghề tiểu thủ công nghiệp, với 4.319 hộ tham gia sản xuất. Các làng nghề tạo ra khoảng 3,24 triệu sản phẩm các loại, doanh thu đạt 506,43 tỷ đồng.

+ Xây dựng hoàn chỉnh dự thảo đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường: Quyết toán 03 dự án hoàn thành, giải ngân vốn đầu tư phát triển 10,74 tỷ đồng, vượt 79% kế hoạch vốn giao đầu năm. Vốn sự nghiệp giải ngân 2,5 tỷ đồng, đạt 63,62% kế hoạch. Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước hiện có, tiếp nhận, sửa chữa 41 trạm cấp nước thuộc Chương trình 134 của huyện Trà Cú và Tiểu Cần. Lập báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và mời thầu công trình mở rộng các tuyến ống cấp nước tại các xã thuộc huyện Càng Long, Châu Thành, Cầu Ngang theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Lắp đặt cho 91.535 hộ sử dụng nước máy (tăng 12.105 hộ so với đầu năm), nâng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85% (sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/2009/BYT đạt 54%).

h) Công tác quản lý chất lượng nông sản, thủy sản:

Thanh tra, kiểm tra ATTP 95 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo, kết quả hầu hết các cơ sở đều có sai phạm như không có giấy xác nhận kiến thức về ATTP, không giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, chưa có giấy khám sức khỏe, chưa trang bị bảo hộ lao động; kiểm tra, đánh giá 220 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản, kết quả xếp loại có 153 loại A, 59 loại B, 02 loại C, 06 cơ sở ngưng hoạt động; cấp 81 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 522 mẫu (178 mẫu nông sản, 289 mẫu thủy sản, 55 mẫu nước tiểu heo thịt).

i) Công tác quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 443 tàu (14 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 147 tàu, xóa bộ 13 tàu; cấp văn bản đóng mới, cải hoán tàu cá 126 trường hợp, cấp 179 sổ danh bạ (778 thuyền viên), cấp 361 giấy phép khai thác thủy sản, 1.078 giấy chứng nhận xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU.

- Tổ chức thu phí 5.712 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 7.581 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 578 triệu đồng.

k) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 182 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, chính sách phát triển thủy sản, quy định một số chính sách về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển, các quy định về ATTP nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 5.179 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với 457 lượt tàu cá, 121 lượt phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 217 cơ sở kinh doanh sản xuất kinh doanh thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thu 153 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, sản phẩm động vật, nguyên liệu thủy sản kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 65 trường hợp vi phạm.

l) Công tác khác:

- Đề xuất nội dung xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng các cấp.

- Ban hành Quyết định thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển. Thành lập tổ công tác thống kê, đánh giá thiệt hại, ảnh hưởng do thiên tai xâm nhập mặn và rà soát điều chỉnh cơ cấu sản xuất, cơ cấu mùa vụ cây trồng, thủy sản tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoàn chỉnh dự thảo trình UBND tỉnh: Đề án xây dựng xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực; Kế hoạch tái cơ cấu ngành muối theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa giai đoạn 2016-2020; kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng chính phủ; xây dựng kế hoạch và dự toán ngành năm 2017.

- Hoàn chỉnh tổng hợp báo cáo: Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đợt ảnh hưởng của El Nino 2014 – 2016; kết quả làm việc với các địa phương theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 304-TB/VPTU ngày 07/6/2016; kết quả hỗ trợ thiệt hại sản xuất nông nghiệp đợt I do thiên tai, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016 trên địa bàn tỉnh;...

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Tình trạng sản xuất lúa tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ... vẫn còn xảy ra khá phổ biến; nhiều loại sâu bệnh phát sinh trên lúa, đặc biệt là bệnh đạo ôn phải công bố dịch.

- Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác để có hiệu quả cao hơn chưa đạt yêu cầu, cụ thể diện tích trồng màu giảm đáng kể so cùng kỳ.

- Diện tích và sản lượng tôm sú giảm do người dân chuyển sang nuôi tôm thẻ và một số đối tượng khác, có thời gian thu hoạch ngắn hơn; sản lượng khai thác tiếp tục giảm so cùng kỳ (cả khai thác hải sản và khai thác nội đồng); diện tích và sản lượng cá tra có chiều hướng tăng trở lại, tuy nhiên còn thấp so với tiềm năng phát triển.

- Công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất gặp nhiều khó khăn; tình trạng vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm còn phổ biến và chậm được khắc phục.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một số vùng nuôi thâm canh hệ thống giao thông, thủy lợi, điện chưa đồng bộ.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia.

## **2. Nguyên nhân:**

- Việc chỉ đạo, quản lý sản xuất chủ yếu thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, chưa có quy định chế tài nên chưa khắc phục được tình trạng sản xuất tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, lịch thời vụ, cơ cấu giống.

- Chi phí đầu tư cho trồng màu cao hơn so với trồng lúa, giá sản phẩm đầu ra luôn bấp bênh, không tồn trữ được lâu, chưa liên kết được các đầu mối tiêu thụ sản phẩm nên nông dân không mạnh dạn chuyển đổi.

- Chăn nuôi của tỉnh chủ yếu theo hình thức nông hộ, nhỏ lẻ, người chăn nuôi chưa chủ động trong việc tiêm vaccine phòng bệnh cho đàn vật nuôi nên là nguyên nhân xảy ra dịch bệnh ở một số nơi.

- Sản lượng tôm, cá giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Thị trường tiêu thụ cá tra không ổn định, chưa liên kết được các đầu mối tiêu thụ nên nông dân còn treo ao hoặc chuyển sang nuôi các đối tượng khác.

- Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu tính bền vững, giá thủy sản thương phẩm còn ở mức thấp làm cho người dân thiếu an tâm đầu tư đúng mức, tình trạng tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá dẫn đến phá vỡ qui hoạch, sản xuất không tuân thủ lịch thời vụ.

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống, vật tư đầu vào còn phần nào hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

## **III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM**

Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm và dự báo tình hình thực tế sản xuất ở địa phương. Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong thời gian còn lại của năm 2016 Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

### **1. Chỉ đạo sản xuất:**

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt và BVTV:

+ Cây lúa: Tập trung hướng dẫn nông dân thu hoạch dứt điểm diện tích lúa Hè Thu còn lại trên đồng; hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông – mùa, đồng thời đặc biệt quan tâm chỉ đạo xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2016-2017 theo lịch thời vụ, vận động nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo. Kết hợp địa phương tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016

của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục thực hiện, theo dõi cánh đồng lớn trên các loại cây trồng.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp địa phương thống nhất kết thúc gieo trồng màu năm 2016; hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh gây hại; đồng thời triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2017 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán.

+ Tiếp tục thực hiện kế hoạch phòng, chống chổi rồng trên cây nhãn; chỉ đạo hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu, bệnh trên cây ăn trái và cây dứa; vận động nông dân cải tạo vườn tạp, chăm sóc tốt vườn cây hiện có; theo dõi mô hình cánh đồng lớn trên cây dứa.

+ Xây dựng và kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa và các loại cây trồng khác; thu mẫu rầy nâu, phân tích, kiểm tra, xác định sự hiện diện của virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá lúa; phân công cán bộ chuyên môn trực tiếp phụ trách địa bàn, kiểm tra đồng ruộng, tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại từ lúc gieo sạ đến giai đoạn an toàn.

- Chăn nuôi, thú y: Chỉ đạo tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi nhất là trong thời điểm giao mùa và lúc cuối năm; kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tiếp tục triển khai thực hiện tiêm phòng theo Quyết định 72/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, kế hoạch phòng, chống bệnh dại và bắt chó thả rông năm 2016; tổ chức tập huấn tuyên truyền cam kết không sử dụng chất cấm, cam kết tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm và triển khai Nghị định số 35/NĐ-CP đến cán bộ nông nghiệp huyện, thị xã, thành phố; lãnh đạo Ủy ban nhân dân và cán bộ nông nghiệp xã, phường, thị trấn; hộ kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, cơ sở giết mổ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung, lò giết mổ tập trung theo quy hoạch và kế hoạch quản lý lợn đực giống trên địa bàn tỉnh năm 2016. Tổng hợp kết quả chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2016 và triển khai Kế hoạch hỗ trợ năm 2017.

#### b) Lâm nghiệp:

Hoàn thành kế hoạch trồng rừng phòng hộ và phòng hộ ven biển năm 2016; nghiệm thu các hạng mục trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng cấp cơ sở; chuẩn bị công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017. Tiếp tục vận động hộ dân nhận khoán trồng cây lâm nghiệp phân tán chăm sóc, quản lý và trồng dặm đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định. Hoàn chỉnh Phương án trồng rừng thay thế các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng và kéo giảm số vụ vi phạm. Khảo sát, xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2017. Tham mưu xây dựng chính sách bảo vệ rừng trình UBND thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### c) Thủy - hải sản:

Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện

tích thả nuôi còn lại của năm 2016; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản và kiểm dịch giống thủy sản xuất nhập tỉnh; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tập huấn quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão. Tổ chức Hội nghị tổng kết nuôi trồng thủy sản vùng ngập mặn năm 2016 và triển khai kế hoạch 2017; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo lịch mùa vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản mùa vụ 2016-2017.

**d) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Tập trung, dồn sức hỗ trợ các xã đăng ký đạt 19 tiêu chí năm 2016 và trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận, đồng thời duy trì và nâng chất lượng các tiêu chí đã đạt; khẩn trương triển khai thực hiện các nguồn vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ sản xuất, cố gắng giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ. Hoàn thành việc tập huấn các chuyên đề xây dựng nông thôn mới năm 2016. Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016; ban hành Quyết định thành lập BCĐ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh; Bộ tiêu chí văn hóa nông thôn mới và hướng dẫn thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí, tiêu chí ấp, hộ văn hóa nông thôn mới.

**2. Công tác chuyên ngành:**

**a) Công tác quy hoạch:**

- Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh thông qua HĐND 03 Nghị quyết dự án quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp đơn vị tư vấn triển khai lập 04 dự án: Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh; tái cơ cấu ngành nông nghiệp; rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu trình UBND tỉnh thông qua HĐND điều chỉnh Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện Dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

**b) Tham mưu xây dựng và ban hành văn bản:**

- Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh thông qua HĐND Nghị quyết ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh đến năm 2020.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 và Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thực hiện các chính sách:

- Tiếp tục tham mưu xây dựng chính sách chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp, đậu phộng; chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các chính sách: Hỗ trợ theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg; phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP...

d) Công tác chuyên ngành khác:

- Tiếp tục theo dõi đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và ương nghêu giống trên ao đất lót bạt tại tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2”, “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi thích nghi giống gà Đông Tảo tại tỉnh Trà Vinh” và “Nghiên cứu thích nghi vịt biển 15 - Đại Xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

- Hoàn thành bản đồ bố trí công trình thủy lợi xây dựng Nông thôn mới cho một số xã của huyện Càng Long, Trà Cú và Duyên Hải; tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu công trình thủy lợi, đê, kè năm 2016 để lưu trữ trên bản đồ số; hoàn thành Kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh và tổng hợp báo cáo theo quy định. Kết hợp xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn hán và xâm nhập mặn đảm bảo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2016-2017 và Hè Thu 2017. Kiểm tra, theo dõi, đánh giá hiện trạng các tuyến đê, kè và các công trình phòng, chống thiên tai, phát hiện kịp thời và chủ động đề xuất sửa chữa, khắc phục trước mùa mưa bão. Hoàn chỉnh Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo bản đồ ngập lụt do Bộ Nông nghiệp và PTNT cung cấp. Tổng hợp, báo cáo kết quả thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2016.

- Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyên tiếp từ năm 2015 và các công trình đầu tư mới năm 2016. Tiếp tục triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016; vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016. Phấn đấu giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

- Lập hồ sơ quyết toán các dự án cấp nước đã hoàn thành; duy trì 165 trạm cấp nước hiện có trên địa bàn tỉnh; phấn đấu lắp đặt thêm 2.500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; tiếp tục thực hiện hoàn thành các công trình mở rộng tuyến ống cấp nước phòng, chống hạn mặn năm 2016.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, chuyên giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và phòng chống dịch bệnh cho nông dân các huyện, thị xã, thành



phổ trên địa bàn tỉnh; duy trì phân công cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp cho nông dân và hỗ trợ doanh nghiệp liên kết trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình trình diễn năm 2016 để nhân rộng. Kết hợp với dự án AMD theo dõi và hướng dẫn các hộ thực hiện mô hình Gác, đồng thời triển khai thực hiện 08 mô hình đã được phê duyệt.

- Hoàn chỉnh, tham mưu trình UBND tỉnh công nhận làng nghề bó chổi xã Tân Hòa, làng nghề cốm dẹp xã Nhị Trường và làng nghề diêm nghiệp xã Dân Thành. Tiếp tục phối hợp tổ chức giảng dạy 13 lớp đào tạo nghề và cấp chứng chỉ nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Kinh tế hợp tác: Hoàn chỉnh kế hoạch xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới Dừa Sáp Hòa Tân, huyện Cầu Kè, HTX nông nghiệp Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, Phú Mỹ Châu, huyện Châu Thành, HTX nông nghiệp Phú Cần, huyện Tiểu Cần, HTX nông nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh. Tiếp tục hỗ trợ THT chăn nuôi gà đốm lót sinh học ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long trở thành mô hình điểm THT liên kết với doanh nghiệp. Tổ chức 08 lớp tập huấn thành lập mới THT và 08 lớp củng cố HTX cho các HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án xây dựng Cánh đồng lớn của Công ty Lương thực Trà Vinh; dự thảo mức hỗ trợ xây dựng Cánh đồng lớn và kế hoạch hoạt động của Ban điều hành xây dựng Cánh đồng lớn năm 2017; hỗ trợ Công ty Mía đường Trà Vinh hoàn thành chủ trương thực hiện Phương án cánh đồng lớn cây mía giai đoạn 2016 – 2020.

- Công tác bố trí dân cư: Trình xin bổ sung nguồn vốn, chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu thi công và lập hồ sơ yêu cầu thi công hạng mục kẻ bờ phải Dự án Kẻ chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần. Trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục đường giao thông liên ấp; điều chỉnh thời gian lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Trình xin điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và điều chỉnh quy mô Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước. Phối hợp UBND huyện Duyên Hải lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư dự án Di dân sạt lở xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải.

- Tiếp tục thực hiện mô hình “Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II”; chuyển giao công nghệ sản xuất giống lươn đồng bán nhân tạo cho người dân; tiếp tục sản xuất, cung ứng giống tôm sú, cá lóc, tôm càng xanh và các loại thủy sản khác đảm bảo chất lượng cung cấp cho người dân có nhu cầu.

- Kết hợp khảo nghiệm các giống lúa mới, triển vọng có chất lượng, năng suất cao phù hợp với điều kiện của tỉnh để khuyến cáo nhân rộng; tổ chức sản xuất, trình diễn và nhân giống lúa, bưởi da xanh theo kế hoạch. Thực hiện thu mua, điều tiết, cung ứng giống lúa, cây ăn trái các loại cho nông dân có nhu cầu.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y nhằm hạn chế tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng. Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát tạp chất trong nguyên liệu thủy sản, đồng thời quản lý, điều phối, cung ứng giống phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hướng dẫn ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và kế hoạch nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2016 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo./. *tr*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*

**BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN  
9 THÁNG NĂM 2016**

STT	Chi tiêu	Đơn vị	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2016	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B		1	2			3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)</b>	<b>Ty đồng</b>	<b>20.281,44</b>	<b>26.126</b>	<b>7.243,49</b>		<b>18.785,43</b>	<b>92,62%</b>	<b>71,90%</b>
<b>1</b>	<b>Giá trị ngành nông nghiệp</b>	"	<b>14.703,00</b>	<b>18.285</b>	<b>4.299,96</b>		<b>13.386,30</b>	<b>91,04%</b>	<b>73,21%</b>
	- Trồng trọt	"	11.130,78	13.539	2.964,17		9.651,22	86,71%	71,28%
	- Chăn nuôi	"	2.127,28	3.075	888,90		2.320,61	109,09%	75,46%
	- Dịch vụ	"	1.444,94	1.670	446,88		1.414,47	97,89%	84,69%
<b>2</b>	<b>Giá trị lâm nghiệp</b>	"	<b>193,42</b>	<b>260</b>	<b>48,38</b>		<b>190,63</b>	<b>98,56%</b>	<b>73,32%</b>
<b>3</b>	<b>Giá trị sản xuất thủy sản</b>	"	<b>5.385,02</b>	<b>7.581</b>	<b>2.895,15</b>		<b>5.208,50</b>	<b>96,72%</b>	<b>68,70%</b>
	- Khai thác hải sản	"	842,17	1.132	258,50		753,55	89,48%	66,57%
	- Khai thác nội đồng	"	364,40	518	136,36		301,35	82,70%	58,23%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	4.153,58	5.896,50	2.493,52		4.131,44	99,47%	70,07%
	- Dịch vụ thủy sản	"	24,87	35	6,77		22,16	89,10%	63,31%
<b>B</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>								
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>								
	Tổng DT gieo trồng	Ha	285.189	289.330	10.518	3.289	278.531	97,67%	96,27%
	Cây lương thực có hạt	Ha	241.957	238.000	818	301	237.858	98,31%	99,94%
<b>I.1</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha	<b>237.321</b>	<b>232.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>234.248</b>	<b>98,70%</b>	<b>100,97%</b>
	Sản lượng	Tấn	1.266.559	1.337.456	199.677	199.677	956.315	75,51%	71,50%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa 2015-2016</b>								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209	89.000			87.739	98,35%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.209	89.000			87.310	97,87%	98,10%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,41	54,20			52,9	99,09%	97,65%
	- Sản lượng	tấn	476.506	482.380			462.102	96,98%	95,80%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>								
	- DT gieo sạ	ha	68.888	65.000			68.789	99,86%	105,83%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	68.888	65.000			50.040	72,64%	76,98%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	68,13	67,35			55,49	81,44%	82,39%
	- Sản lượng	tấn	469.330	437.776			277.660	59,16%	63,43%
	<b>Vụ Hè Thu</b>								
	- DT gieo sạ	Ha	79.224	78.000			77.719	98,10%	99,64%
	- Diện tích thu hoạch		60.181	78.000	38.961	38.961	42.771	71,07%	54,83%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,29	53,50	51,25	51,3	50,6	95,00%	94,64%
	- Sản lượng	tấn	320.723	417.300	199.677	199.677	216.553	67,52%	51,89%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa 2016-2017</b>								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	48.116	55.000	14.261	14.261	15.167	31,52%	27,58%
	- Năng suất	Tạ/ha		54,20					
	- Sản lượng	tấn		298.100					
<b>I.2</b>	<b>Cây màu</b>	Ha	<b>47.868</b>	<b>57.330</b>	<b>10.518</b>	<b>3.289</b>	<b>44.283</b>	<b>92,51%</b>	<b>77,24%</b>
<b>I.2.1</b>	<b>Màu lương thực</b>	Ha	<b>7.156</b>	<b>9.350</b>	<b>1.611</b>	<b>563</b>	<b>5.812</b>	<b>81,22%</b>	<b>62,16%</b>
	<b>Cây bắp</b>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.636	6.000	818	301	3.610	77,87%	60,17%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.633	6.000	1.066	772	3.380	93,04%	56,33%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,80	52,00	54,93	55,98	54,50	95,95%	104,81%
	- Sản lượng	Tấn	20.635	31.200	5.854	4.322	18.421	89,27%	59,04%
	<b>Khoai lang</b>								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.161	1.550	303	93,85	1.014,19	87,35%	65,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	805	1.550	317	217,22	918,52	114,07%	59,26%
	+ Năng suất	Tạ/ha	176,43	159,70	171,91	170,32	174,20	98,74%	109,08%
	+ Sản lượng	Tấn	14.206	24.754	5.447	3.700	16.001	112,63%	64,64%
	<b>Sắn</b>								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	890	1.150	300	112,40	771,95	86,74%	67,13%
	+ Diện tích thu hoạch	"	538	1.150	328	265,76	671,56	124,72%	58,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	163	151,50	147,47	146,1	151,20	92,59%	99,80%
	+ Sản lượng	Tấn	8.793	17.423	4.832	3.882	10.154	115,48%	58,28%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2016	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	<b>Cây có củ khác</b>								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	469	650	189	55,50	415,52	88,60%	63,93%
	+ Diện tích thu hoạch		305	650	204	120,46	365,00	119,67%	56,15%
<b>1.2.2</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>26.300</b>	<b>31.830</b>	<b>6.907</b>	<b>2.027</b>	<b>24.471</b>	<b>93,05%</b>	<b>76,88%</b>
	<b>Rau các loại</b>								
	+ DT gieo trồng	Ha	25.529	31.000	6.828	1.988,13	23.799,43	93,23%	76,77%
	+ Diện tích thu hoạch	"	19.868	31.000	8.814	6.468,60	21.180,00	106,61%	68,32%
	+ Năng suất	Tạ/ha	223,1	223,94	243,41	243,78	243,70	109,26%	108,83%
	+ Sản lượng	Tấn	443.145	694.200	214.552	157.692	516.157	116,48%	74,35%
	<b>Đậu các loại</b>								
	+ DT gieo trồng	Ha	771	830	79	39,00	671,86	87,14%	80,95%
	+ Diện tích thu hoạch	"	683	830	140	116	635,45	93,00%	76,56%
	+ Năng suất	Tạ/ha	16,8	16,58	15,32	15,3	15,30	91,05%	92,27%
	+ Sản lượng	Tấn	1.148	1.376	214	177	972	84,68%	70,64%
<b>1.2.3</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>12.310</b>	<b>13.500</b>	<b>1.291</b>	<b>440</b>	<b>11.184</b>	<b>90,85%</b>	<b>82,85%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.275	5.000	303	104	4.404	103,03%	88,09%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.872	5.000	460	338,82	4.086,12	105,54%	81,72%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,2	53,00	58,54	60,24	52,60	98,80%	99,25%
	+ Sản lượng	Tấn	20.613	26.500	2.692	2.041	21.492,99	104,27%	81,11%
	<b>Mía</b>								
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941	6.100	420	159,80	4.786	80,56%	78,46%
	Trong đó: DT trồng mới	"							
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.474	6.100	176	61	4.224	77,15%	69,24%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.093	1.100	1.306	1.060	1.075	98,31%	97,68%
	+ Sản lượng	Tấn	598.349	671.000	22.930	6.489	453.838	75,85%	67,64%
	<b>Cây lác (cói)</b>								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.094	2.400	568	176,5	1.994	95,21%	83,07%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.498	2.400	318	217,0	1.486,4	99,23%	61,93%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,5	103,40	68,51	100,4	101,50	93,55%	98,16%
	+ Sản lượng	Tấn	16.253	24.816	2.176	2.179	15.087	92,83%	60,80%
<b>1.2.4</b>	<b>Cây trồng khác</b>	Ha	<b>2.102</b>	<b>2.650</b>	<b>709</b>	<b>259</b>	<b>2.816</b>	<b>133,95%</b>	<b>106,25%</b>
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.102	2.650	709	259	2.816	133,95%	106,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.597	2.650	779	504	2.674	167,44%	100,91%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>								
	- Cây ăn quả								
	+ Diện tích	ha	17.616	17.780	114		17.773	100,89%	99,96%
	+ Sản lượng	tấn	207.425	247.000	53.986		184.839	89,11%	74,83%
	- Cây dứa								
	+ Diện tích	ha	19.480	20.050	30		19.980	102,57%	99,65%
	+ Sản lượng	tấn	194.947	238.000	56.018		172.328	88,40%	72,41%
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>								
	- Tổng đàn trâu	con	1.102	1.000	(147)		807	73,23%	80,70%
	- Tổng đàn bò	con	159.989	167.000	29.037		205.381	128,37%	122,98%
	- Tổng đàn lợn	con	315.857	330.000	40.604		392.487	124,26%	118,94%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.523	5.750			4.181	92,44%	72,71%
<b>C</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>								
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>								
<b>1.1.</b>	<b>DT rừng trồng tập trung</b>	Ha	40	233	213	73	213	532,50%	91,42%
	Trong đó:								
	- Rừng phòng hộ	"	40	233	213	73	213	532,50%	91,42%
<b>1.2.</b>	<b>DT rừng trồng được chăm sóc</b>	Ha		340	338		338		
<b>1.3.</b>	<b>DT khoanh nuôi tái sinh</b>	Ha							
<b>1.4.</b>	<b>DT giao khoán bảo vệ</b>	Ha	3.067	4.971	5.066		5066	165,19%	101,91%
<b>1.5.</b>	<b>Số cây lâm nghiệp phân tán</b>	1000 cây	91	50	50		50	54,95%	100,00%
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>								
<b>D</b>	<b>DIỆM NGHIỆP</b>								
<b>E</b>	<b>THỦY SẢN</b>								
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>40.993</b>	<b>42.700</b>	<b>5.584</b>	<b>2.164</b>	<b>40.715</b>	<b>99,32%</b>	<b>95,35%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>3.409</b>	<b>4.000</b>	<b>1.371</b>	<b>841</b>	<b>2.605</b>	<b>76,43%</b>	<b>65,13%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	2.179,92	2.500	1.001	491	1.685	77,30%	67,40%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2016	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa		10,1	50	18	6	38	378,91%	76,54%
	Cá lóc		205,39	290	82	39	246	119,79%	84,84%
	- Diện tích nuôi giáp xác		1.229	1.500	370	350	920	74,89%	61,34%
	Trong đó: tôm càng xanh		1.229	1.500	370	350	920	74,89%	61,34%
	- Diện tích nuôi khác								
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>		<b>37.584</b>	<b>38.700</b>	<b>4.213</b>	<b>1.323</b>	<b>38.110</b>	<b>101,40%</b>	<b>98,48%</b>
	- Diện tích nuôi cá								
	Trong đó: + cá giò, cá song	"							
	+ ...								
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	37.559	37.000	4.213	1.318	37.810	100,67%	102,19%
	Trong đó: + Tôm sú	"	20.397	19.000	1.603	388	18.403	90,22%	96,86%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.583	5.000	2.610	728	5.410	118,03%	108,20%
	+ Cua biển	"	12.579	13.000	-	202	13.997	111,28%	107,67%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	25	1.700	-	5	300	1200,00%	17,65%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>							
	- Nuôi cá	"							
	- Nuôi giáp xác	"							
	- Nuôi nhuyễn thể	"							
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con							
	- Cá giống	"							
	- Tôm giống	"							
	- Nhuyễn thể giống	"							
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>120.213</b>	<b>181.000</b>	<b>55.909</b>	<b>22.103</b>	<b>122.004</b>	<b>101,49%</b>	<b>67,41%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>64.412</b>	<b>101.200</b>	<b>38.982</b>	<b>13.869</b>	<b>71.374</b>	<b>110,81%</b>	<b>70,53%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>33.262</b>	<b>55.500</b>	<b>14.373</b>	<b>6.404</b>	<b>36.898</b>	<b>110,93%</b>	<b>66,48%</b>
	- Sản lượng cá	"	32.837	55.000	14.323	6.379	36.548	111,30%	66,45%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	4.204	10.000	3.864	533	5.904	140,43%	59,04%
	Cá lóc	"	19.133	27.000	6.888	4.040	21.077,9	110,16%	78,07%
	- Sản lượng giáp xác	"	336	500	50	25	350,0	104,10%	70,00%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	336	500	50	25	350,0	104,10%	70,00%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	89						
<b>4.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>31.149,1</b>	<b>45.700</b>	<b>24.610</b>	<b>7.465</b>	<b>34.476</b>	<b>110,68%</b>	<b>75,44%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"							
	Trong đó: Cá giò, cá song	"							
	...								
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	30.138	43.500	23.389,3	7.311,3	32.896,8	109,15%	75,62%
	Trong đó: + Tôm sú	"	10.458	14.500	7.035	2.491	9.346,0	89,37%	64,46%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	14.043	21.000	11.948	3.990,77	17.585,3	125,22%	83,74%
	+ Nuôi cua biển	"	5.637	8.000	4.407	830	5.965,5	105,83%	74,57%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.011	2.200	1.220	153	1.579,4	156,22%	71,79%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>55.801</b>	<b>79.800</b>	<b>16.927</b>	<b>8.234</b>	<b>50.630</b>	<b>90,73%</b>	<b>63,45%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>47.646</b>	<b>65.900</b>	<b>14.270</b>	<b>6.755</b>	<b>43.770</b>	<b>91,86%</b>	<b>66,42%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	19.963	25.000	6.051	2.750	17.653	88,43%	70,61%
	Trong đó: - Loài ....	"							
	- ...	"							
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	6.446	8.900	2.304	645	6.062,3	94,04%	68,12%
	Trong đó: - Tôm...	"							
	- ...	"							
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn							
	Trong đó: - Loài ....	"							
	- ...	"							
	+ SL hải sản khác khai thác	"	21.237	32.000	5.915	3.360	20.054,0	94,43%	62,67%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>8.155</b>	<b>13.900</b>	<b>2.656,7</b>	<b>1.478,9</b>	<b>6.859,9</b>	<b>84,12%</b>	<b>49,35%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.716	6.500	1.187	584	2.918,9	78,56%	44,91%
	- Tôm các loại	"	2.944	4.200	1.141	474	2.583	87,73%	61,50%
	- Nhuyễn thể các loại	"							
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"							
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.495	3.200	329	421	1.358	90,82%	42,44%